TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 29 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Nơi làm việc: Trường tiểu học thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Anh Nguyễn Cao C, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Nơi làm việc: Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2019. Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C đã được Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng chị T và anh C không hàn gắn được tình cảm và giữ nguyên quan điểm là yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 23/11/2006 và cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2016. Chị T và anh C thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, anh Cường sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Q cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hữu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng cho con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C không yêu cầu nhau thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C xác nhận không có nợ chung.

[6] Về lệ phí: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Chị T và anh C thỏa thuận thống nhất: Toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sẽ do chị T có trách nhiệm chịu thay phần lệ phí mà anh C phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Cao C có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hữu Q sinh ngày 23/11/2006 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2016 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C không yêu cầu nhau thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

1.4. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Cao C mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Chị T và anh C thỏa thuận thống nhất: Toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sẽ do chị T có trách nhiệm chịu thay cả phần lệ phí mà anh C phải chịu. Vậy chị T phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị T đã nộp 300.000 đồng ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo biên lai số: AA/2010/0002143 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá